

**TỈ LỆ PHÍ BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỒ TRỢ
HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BỆNH HIỂM NGHÈO**

(Được phê chuẩn theo công văn số 12116/BTC-QLBH ngày 10/10/2019 của Bộ Tài chính)

1. Tỉ lệ phí bảo hiểm

Tỉ lệ phí bảo hiểm trên 1000 đồng Số Tiền Bảo Hiểm

+ Nếu hoa hồng được chi trả cho bên bán hàng, tỉ lệ phí trong bảng bên dưới được sử dụng

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
18	1.22	0.97	42	4.89	5.19
19	1.31	1.00	43	5.33	5.56
20	1.33	1.06	44	5.81	5.94
21	1.31	1.06	45	6.28	6.33
22	1.28	1.06	46	6.92	6.81
23	1.28	1.08	47	7.58	7.33
24	1.28	1.11	48	8.42	7.86
25	1.25	1.17	49	9.36	8.44
26	1.28	1.31	50	10.42	9.08
27	1.31	1.47	51	11.44	9.64
28	1.39	1.67	52	12.61	10.19
29	1.47	1.86	53	13.86	10.81
30	1.58	2.06	54	15.31	11.33
31	1.69	2.25	55	16.89	12.00
32	1.83	2.44	56	18.36	12.75
33	1.94	2.64	57	20.03	13.47
34	2.08	2.86	58	21.89	14.28
35	2.28	3.08	59	23.92	15.03
36	2.50	3.36	60	26.25	15.97
37	2.78	3.67	61	28.86	16.89
38	3.08	3.94	62	31.81	17.94
39	3.44	4.22	63	36.33	19.61
40	3.86	4.50	64	41.36	21.67
41	4.33	4.83			

+ Nếu hoa hồng không phải chi trả cho bên bán hàng, tỉ lệ phí trong bảng bên dưới được sử dụng

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
18	0.85	0.67	42	3.38	3.60
19	0.90	0.69	43	3.69	3.85
20	0.92	0.73	44	4.02	4.12
21	0.90	0.73	45	4.35	4.38
22	0.88	0.73	46	4.79	4.71
23	0.88	0.75	47	5.25	5.08
24	0.88	0.77	48	5.83	5.44
25	0.87	0.81	49	6.48	5.85
26	0.88	0.90	50	7.21	6.29
27	0.90	1.02	51	7.92	6.67
28	0.96	1.15	52	8.73	7.06
29	1.02	1.29	53	9.60	7.48
30	1.10	1.42	54	10.60	7.85
31	1.17	1.56	55	11.69	8.31
32	1.27	1.69	56	12.71	8.83
33	1.35	1.83	57	13.87	9.33
34	1.44	1.98	58	15.15	9.88
35	1.58	2.13	59	16.56	10.40
36	1.73	2.33	60	18.17	11.06
37	1.92	2.54	61	19.98	11.69
38	2.13	2.73	62	22.02	12.42
39	2.38	2.92	63	25.15	13.58
40	2.67	3.12	64	28.63	15.00
41	3.00	3.35			

2. Bảng hệ số chiết khấu f_k

k	f_k	k	f_k	k	f_k
0	0.4915	16	12.3793	32	19.2351
1	1.4412	17	12.9270	33	19.5510
2	2.3588	18	13.4562	34	19.8562
3	3.2453	19	13.9675	35	20.1511
4	4.1019	20	14.4615	36	20.4359
5	4.9295	21	14.9388	37	20.7112
6	5.7292	22	15.3999	38	20.9771
7	6.5017	23	15.8455	39	21.2341
8	7.2482	24	16.2760	40	21.4824
9	7.9694	25	16.6919	41	21.7222
10	8.6663	26	17.0938	42	21.9540
11	9.3395	27	17.4821	43	22.1779
12	9.9900	28	17.8572	44	22.3943
13	10.6185	29	18.2197	45	22.6033
14	11.2258	30	18.5699	46	22.8053
15	11.8125	31	18.9082	-	-

k là thời hạn đóng phí theo năm còn lại được làm tròn xuống của sản phẩm chính.

f_k là hệ số chiết khấu toàn bộ số phí được miễn đến hết thời hạn đóng phí của hợp đồng chính.

3. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm hàng năm sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Phí bảo hiểm hàng năm} = \text{Số tiền bảo hiểm} \times f_k \times GP_x^g$$

Trong đó:

Số tiền Bảo hiểm: bằng với khoản phí bảo hiểm niên hóa của hợp đồng chính và các sản phẩm bổ trợ được chấp nhận miễn đóng phí

f_k : Hệ số chiết khấu, k là thời hạn đóng phí theo năm còn lại được làm tròn xuống của sản phẩm chính.

GP_x^g : Tỷ lệ phí bảo hiểm tại tuổi x

4. Hệ số định kỳ đóng phí

Phí bảo hiểm có thể được đóng theo định kỳ nửa năm, quý hoặc tháng. Công thức quy đổi từ phí năm sang định kỳ đóng phí khác được Công Ty xác định tùy theo từng thời kỳ. Hiện tại Công Ty đang áp dụng tỷ lệ sau:

Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
1	0.53	0.27	0.09

5. Quy tắc làm tròn phí

Phí bảo hiểm được ghi trong hợp đồng bảo hiểm sẽ được làm tròn đến đơn vị 1000 đồng.